

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 5 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 12 và ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 587/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng H2 H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Tân Thiện, xã Tân Phong, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Tân Thiện, xã Tân Phong, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H; anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đặng H2 H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn T chung sống vợ chồng vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, vào ngày 07/10/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, chị H và anh T đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn H2 H1, sinh ngày 08/02/2013 và Nguyễn H1 H2, sinh ngày 08/02/2013. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H1, chị H đồng ý giao cháu H2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng H2 H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T. Anh T đang cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa, chị Đặng H2 H có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Tuấn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng H2 H và anh Nguyễn Tuấn T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H và anh T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị H và anh T ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không được do anh T vắng mặt. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn H2 H1, chị H tự nguyện giao con chung tên Nguyễn H1 H2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu H1 có nguyện vọng được sống chung với chị H, cháu H2 có nguyện vọng sống chung với anh T và chị H, anh T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con

của chị H, giao con chung tên Nguyễn H2 H1 cho chị H, giao con chung tên Nguyễn H1 H2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng H2 H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng H2 H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn H2 H1, sinh ngày 08/02/2013 cho chị H, giao con chung tên Nguyễn H1 H2, sinh ngày 08/02/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng H2 H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 17296 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDH. C;
- CCTHADS H. C;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Kim Loan